

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH
Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2025
V/v Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Yên;

- Ông Nguyễn Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/02/1976

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân số: 024176015639.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh ngày 23/4/1972

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân: 024072017763

Các đương sự xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh B về chung sống với nhau ngày 16/7/1996 trên cơ sở tự nguyện. Do nhận thức pháp luật hạn chế, nên không đăng ký kết hôn. Hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán.

Sau khi cưới, chị và anh B về ở với nhau ngay và đã có 2 con chung là: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998 và Nguyễn Thanh D, sinh năm 2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình từ năm 2010, anh B có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Chị và anh B chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010 đến nay, mỗi người ở một nơi, chị nuôi 2 con chung, còn anh B ở cùng người phụ nữ khác. Năm 2010 chị đã làm đơn ly hôn, xong bị Toà án trả lại đơn. Đến thời gian này, chị và anh B sống ly thân đã lâu, anh B đã có cuộc sống riêng, tình cảm giữa chị và anh B không còn, nên đề nghị Toà án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh B có 2 con chung như trình bày ở trên, các con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H về chung sống với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh và chị H có 2 con chung là: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998 và Nguyễn Thanh D, sinh năm 2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do kinh tế khó khăn, anh làm ăn thua lỗ, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh và chị H chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay. Chị H có đơn ly hôn, anh đề nghị Toà án cho được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung như trình bày ở trên, các con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều xin vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 272 và Điều 273 của BLTTDS;

Các Điều: 14, 53 của Luật hôn nhân gia đình 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Thanh B. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã L, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh. Nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B về chung sống với nhau từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Căn cứ Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị H và anh B về chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay, không đăng ký kết hôn, nên đây không phải hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, chị H và anh B về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian và đã có 2 con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do: Trong cuộc sống, chị H và anh B có nhiều điểm không hợp nhau, không thống nhất được cách làm ăn. Đến năm 2010 thì chị H và anh B sống ly thân, không còn quan hệ gì nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H và anh B về đoàn tụ. Tuy nhiên cả hai giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và xin vắng mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm nghĩa vụ chung của gia đình,

mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị H và anh B là vợ chồng.

[5] Về con chung: Chị H và anh B có 2 con chung là: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998 và Nguyễn Thanh D, sinh năm 2004.

Con chung đã trưởng thành, có thể tự lo được cuộc sống, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 9, 14, 51 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B là vợ chồng.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000100 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh;
- Dương sự;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh